TAND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02/8/2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân, ông Phạm Đình Thìn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại viện viện kiểm sát tham gia phiên tòa*:* Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang.

Trong ngày 02/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 240/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2019 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn 9, xóm Mè, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: thôn 9, xóm Mè, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Chỗ ở: thôn Hoành Sơn, xã P, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Hà Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Lê Thị N vào ngày 31/8/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Trước khi kết hôn vợ chồng hoàn toàn được tự do tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị N về gia đình anh làm dâu ngay. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra. Năm 2014 anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng ít khi liên lạc với nhau. Ở nhà chị N đối xử không tốt và không công khai kinh tế với bố mẹ đẻ anh, chị N còn đi nói xấu mẹ chồng với anh em hàng xóm bạn bè. Đến ngày 19/3/2019 anh hết hạn hợp đồng lao động và về nước làm ăn. Kể từ khi anh về nước, chị N rất nhiều lần cãi nhau với mẹ đẻ anh mặc dù anh có khuyên bảo nhưng chị N không nghe nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai chịu nghe lời ai, mỗi người làm một ý, tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt. Ngày 04/6/2019 chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng tôi sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng kể từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không

còn, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh xin được ly hôn với chị Lê Thị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Hà Hữu Đạt, sinh ngày 04/12/2009 và Hà Thị Hải Yến, sinh ngày 03/4/2014. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng với anh và 02 cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn anh xin được nuôi cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện nay anh đang làm công nhân làm sắt tự do ở Bắc Ninh, thu nhập thấp nhất là 7.000.000đ/01 tháng. Anh hiện đang ở với bố mẹ đẻ, điều kiện kinh tế của bố mẹ ở mức trung bình khá.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là chị Lê Thị N trình bày: Chị xác nhận thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn như anh T trình bày là đúng. Về quá trình chung sống, giữa chị với mẹ đẻ anh T có lúc xảy ra to tiếng với nhau. Đến tháng 3 năm 2019 anh T đi lao động ở Đài Loan về nước, vợ chồng vẫn chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh T. Vào khoảng cuối tháng 5 năm 2019 thì chị và mẹ anh T lại xảy ra mâu thuẫn, do không kiềm chế được nên chị có nói lại mấy câu rồi đi làm, không có chuyện là chị đi nói xấu mẹ chồng với hàng xóm, bạn bè như anh T trình bày. Đến tối ngày 03/6/2019 thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng lý do là do mâu thuẫn giữa chị với mẹ chồng nên dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát, chửi mắng nhau. Ngày 04/6/2019 chị về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không muốn vợ chồng ly hôn để ảnh hưởng đến các con. Vì vậy, chị không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Hà Hữu Đạt, sinh ngày 04/12/2009 và Hà Thị Hải Yến, sinh ngày 03/4/2014. Ly hôn chị xin được nuôi cả 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện nay chị đang làm công nhân điện tử ở phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang. Thu nhập từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/01tháng. Chị đang ở cùng với gia đình bố mẹ đẻ, điều kiện kinh tế bình thường.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân nơi anh T, chị N cư trú thấy: Anh T, chị N kết hôn với nhau vào tháng 8/2007. Sau khi kết hôn chị N về làm dâu nhà anh T ngay, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 3/2019, anh T đi xuất khẩu lao động về thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn to tiếng, cãi chửi nhau. Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống kể từ tháng 6/2019 cho đến nay không quay về nhà anh T nữa. Khi sảy ra

mâu thuẫn anh T, chị N không nhờ chính quyền thôn can thiệp nên không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị N như thế nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N; đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung.

Chị N đồng ý ly hôn với anh T và xin được nuôi dưỡng cả hai con chung. Ngoài ra chị N còn yêu cầu anh T bồi thường danh dự và trả tiền công sức trong khoảng thời gian 11 năm chung sống.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn T và chị Lê Thị N.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị N nuôi dưỡng con chung là Hà Thị Hải Yến, sinh ngày 03/4/2014; giao cho anh Hà Văn T nuôi dưỡng con chung là Hà Hữu Đạt, sinh ngày 04/12/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu bồi thường danh dự và trả tiền công sức trong khoảng thời gian 11 năm chung sống của chị N tại phiên tòa thì không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi chị N có yêu cầu.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của anh Hà Văn T cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T và chị Lê Thị N có đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2007 tại UBND xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn

trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của anh T và chị N phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương đều xác định vợ chồng anh T, chị N có sảy ra mâu thuẫn to tiếng, cãi nhau, xô xát đánh nhau và đã có khoảng thời gian sống ly thân từ ngày 04/6/2019 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T xin được ly hôn thì chị N đồng ý. Do vậy cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị N.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh T, chị N có 02 con chung là Hà Hữu Đạt, sinh ngày 04/12/2009 và Hà Thị Hải Yến, sinh ngày 03/4/2014. Ly hôn, anh T, chị N đều đề nghị xin được nuôi dưỡng cả hai con chung.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng con chung: Cả anh T và chị N hiện nay đều có chỗ ở, có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung.

Đối với cháu Yến hiện nay còn nhỏ và là con gái. Vì vậy để đảm bảo cho cháu Yến phát triển tốt về mặt tâm sinh lý, phát triển tốt về mọi mặt nên cần giao cháu Yến cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với cháu Đạt đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với chị N. Tuy nhiên, nếu giao cả hai con chung cho một bên nuôi dưỡng thì sẽ không đảm bảo cho các con phát triển tốt về mọi mặt, không đảm bảo về phát triển kinh tế của người nuôi dưỡng. Hiện nay, cháu Đạt đang theo học tại Trường tiểu học xã A. Vì vậy cần giao cháu Đạt cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh T, chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T, chị N thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị N đều không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh T, chị N có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T, chị N đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu bồi thường danh dự và trả tiền công sức trong khoảng thời gian 11 năm chung sống của chị N tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; trước khi mở phiên tòa thì chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy yêu cầu của chị N tại phiên tòa không được xem xét giải quyết trong cùng vụ án này mà sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi

chị N có yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 200, Điều 201 Bộ luật tố dụng Dân sự.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn T và chị Lê Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Hà Văn T nuôi dưỡng con chung là Hà Hữu Đạt, sinh ngày 04/12/2009; chị Lê Thị N nuôi dưỡng con chung là Hà Thị Hải Yến, sinh ngày 03/4/2014.

Sau khi ly hôn anh T, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T, chị N thực hiện quyền này.

Anh T, chị N có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Hà Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002768 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sang